

Số: /KH-SNN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH
Sản xuất cây trồng vụ Hè Thu 2023

Nhằm đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2023¹, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch sản xuất cây trồng vụ Hè Thu năm 2023, như sau:

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Nhận định tình hình khí tượng thủy văn

Theo nhận định của Đài Khí tượng thủy văn Đồng Tháp:

- Từ tháng 12/2022 đến tháng 2/2023: Nhiệt độ phổ biến thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN). Trong tháng 12/2022 và tháng 01/2023 nhiệt độ thấp nhất xuống mức 19 – 21⁰c. Tháng 3 - 5/2023 nhiệt độ tăng cao dần, nhiệt độ trung bình phổ biến xấp xỉ TBNN, xuất hiện nhiều đợt nắng nóng diện rộng ở khu vực ven biên giới Tây Nam, nhiệt độ những ngày nóng nhất lên đến 36 - 37⁰c.

- Mưa trái mùa xảy ra khá nhiều trong những ngày cuối tháng 12/2022 và đầu năm 2023. Tháng 01 - 02/2023, mưa trái mùa xảy ra khá nhiều với tổng lượng mưa cao hơn TBNN ở hầu hết khu vực. Tháng 3, 4, 5, 6/2023, tổng lượng mưa xấp xỉ TBNN.

- Mực nước các nơi trong Tỉnh sẽ xuống thấp dần đến cuối tháng 5/2023 ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN năm khoảng từ 0,1- 0,3 m.

- Tổng số bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) trong mùa bão năm nay ở mức xấp xỉ TBNN. Đầu năm 2023, vẫn cần đề phòng khả năng có bão hoặc ATNĐ ảnh hưởng tới Nam bộ, cần đề phòng dông, lốc, sét... xuất hiện trong những cơn mưa dông, đề phòng những đợt mưa trái mùa trên diện rộng.

2. Dự báo tình hình dịch hại

Tình hình nắng nóng và mực nước thấp trong mùa khô gây khá nhiều khó khăn trong việc quản lý nước và sâu bệnh đối với sản xuất cây trồng vụ Hè Thu.

- Bọ trĩ (bù lạch) gây hại nhẹ đến trung bình trên những ruộng khô nước có thể gây hại nặng cục bộ trên lúa giai đoạn mạ, rầy phấn trắng có thể xuất hiện gây hại nhẹ đến trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – đòng trổ, nhện gié xuất hiện và gây hại lúa giai đoạn làm đòng đến trổ, đặc biệt những ruộng vệ sinh

¹ Theo Báo cáo số 112/BC-SNN ngày 12/01/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kết quả phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2022, kế hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2023

đồng ruộng chưa kỹ, thiếu nước, sạ dày, phun nhiều thuốc trừ sâu phổ rộng lúc đầu vụ có khả năng bị hại nặng.

- Rầy nâu: dự báo tình hình rầy nâu di trú từ cuối đến đầu các tháng 2, 3 và 4. Trong đó, đợt rầy di trú tháng 2, mật số trung bình đến cao kéo dài, tháng 3 và 4 mật số thấp đến trung bình. Các đợt rầy cám nở rộ vào khoảng giữa các tháng.

- Muỗi hành: những khu vực xuống giống trễ, gôi vụ, muỗi hành có thể xuất hiện và gây hại trên các trà lúa mạ đến cuối đẻ nhánh, những ruộng có xử lý hạt giống, phun thuốc trừ sâu sớm đầu vụ (bù lạch, sâu cuốn lá,...) có thể bị hại nặng cục bộ.

- Chuột: gây hại từ nhẹ đến trung bình, cục bộ một số diện tích bị hại nặng, nhất là những ruộng lúa gần vườn, gò cao, bờ bao có cỏ rậm rạp hoặc những ruộng xuống giống sớm hoặc trễ trong khu vực.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU 2023

1. Mục tiêu

- Phát triển sản xuất cây trồng theo hướng an toàn thực phẩm, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế nhằm nâng cao thu nhập của nông dân.

- Cơ cấu cây trồng được chuyển đổi theo hướng giảm dần diện tích sản xuất lúa Hè Thu; ưu tiên chuyển đổi sang cây trồng cạn, ngắn ngày có khả năng chịu hạn và cần ít nước, chú trọng vào các cây trồng có thể mạnh như: bắp, mè, ớt, khoai lang, cây có củ có chất bột, đậu các loại...

2. Chỉ tiêu

- Tổng diện tích xuống giống lúa 186.900 ha, năng suất bình quân 64,0 tạ/ha; sản lượng 1,193 triệu tấn. Trong đó:

+ Lúa chất lượng cao chiếm 70% diện tích xuống giống.

+ Diện tích áp dụng sạ hàng, sạ thưa 50% diện tích xuống giống.

+ Tỷ lệ sử dụng giống lúa cấp xác nhận 80% diện tích.

+ Thu hoạch bằng máy chiếm 100% diện tích.

- Tổng diện tích gieo trồng hoa màu cây công nghiệp ngắn ngày đạt 13.902,5 ha²

(Chi tiết Phụ lục kèm theo).

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Về sản xuất

² Trong đó: Bắp 1.943,6 ha, cây lấy củ có chất bột 943,8 ha, mía: 12 ha, cây lấy sợi 11 ha, cây có hạt chứa dầu 1.541,3 ha, rau các loại 2.733,2 ha, đậu các loại 262,5 ha, ớt 1.312,9 ha, sen 543,7 ha, hoa các loại 1.273,7 ha, rau màu khác 3.324,8 ha.

- Xây dựng và bố trí lịch thời vụ theo hướng xuống giống tập trung, đồng loạt, né rầy bảo đảm phải có thời gian cách ly giữa hai vụ ít nhất 3 tuần; thực hiện tốt việc vệ sinh đồng ruộng, cày ải, phơi đất ngay sau khi thu hoạch lúa Đông Xuân 2022 – 2023, để tiêu diệt các mầm bệnh trên đồng ruộng đồng thời giảm nguy cơ bị ngộ độc hữu cơ.

- Trên cơ sở theo dõi số liệu bẫy đèn, tình hình thủy văn, thực tế sản xuất ở từng địa phương, các huyện, thị, thành xác định cụ thể thời điểm xuống giống phù hợp trên từng cánh đồng, khu vực và chỉ đạo kịp thời việc vệ sinh đồng ruộng, tu sửa bờ vùng, bờ thửa, chủ động việc tưới tiêu phục vụ tốt sản xuất.

- Đảm bảo cơ cấu mùa vụ phù hợp với điều kiện đất đai, sinh thái, nguồn nước, thời tiết..., không bị ảnh hưởng lẫn nhau bởi dịch bệnh (chuột, rầy nâu, vàng lùn, lùn xoắn lá, muỗi hành...) hoặc xung đột lợi ích (đê bao, nguồn nước, thu nhập...).

3.2. Bố trí lịch thời vụ

Khuyến cáo lịch xuống giống lúa Hè Thu 2023 của Tỉnh như sau:

+ **Vùng sản xuất 3 vụ, chủ yếu gồm 2 đợt xuống giống:**

* **Đợt 1: Từ ngày 05/02 – 12/02/2023 (15/01/2023 – 22/01/2023 âm lịch)**

Đây là đợt xuống giống sớm và là thời điểm mật số rầy di trú rất cao, kéo dài. Cần theo dõi chặt chẽ, đồng thời khuyến cáo xuống giống nhanh, gọn, giống lúa có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày. Ước diện tích xuống giống vụ Hè Thu đợt này khoảng 60.000 ha.

* **Đợt 2: Từ ngày 07/3 – 14/3/2023 (16/02 – 23/02/2023 âm lịch):** Ước diện tích xuống giống khoảng 60.000 ha. Các vùng sản xuất 3 vụ cố gắng kết thúc xuống giống trong đợt này để bảo đảm thời gian cho vụ Thu Đông 2023 và Đông Xuân 2023-2024.

+ **Vùng sản xuất 2 vụ, gồm 2 đợt xuống giống:**

* **Đợt 1: Từ ngày 07/3 – 14/3/2023 (16/02 – 23/02/2023 âm lịch):** Ước diện tích xuống giống khoảng 40.000 ha.

* **Đợt 2: Từ ngày 06/4 – 13/4/2023 (nhuần 16/02 – 23/02/2023 âm lịch):** Ước diện tích xuống giống khoảng 20.000-35.000 ha; trong đó vùng 2 vụ khoảng 20.000-25.000 ha, vùng 3 vụ có thể còn khoảng 5.000-10.000 ha.

3.3. Giải pháp về giống

- Khuyến khích nông dân sử dụng giống lúa xác nhận, giống chất lượng cao, thích nghi với điều kiện đất địa phương, năng suất cao và ổn định, đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ, chống chịu với một số đối tượng sâu bệnh chủ yếu.

- Cơ cấu nhóm giống lúa:

+ Vùng Đồng Tháp Mười (gồm 8 huyện Hồng Ngự, Tp. Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười, Cao Lãnh, Tp. Cao Lãnh): ưu tiên áp dụng giống lúa cực ngắn ngày, chịu phèn mặn trung bình – khá: Giống chủ

lục: OM 18, Đài Thơm 8, IR 50404, OM 5451, OM 6976, OM 4900... Giống bổ sung: OM 576, VĐ 20, OM 7347, Jasmine 85, Nàng Hoa 9...

+ Vùng phù sa ngọt dọc sông Tiền, sông Hậu (gồm 06 huyện: Hồng Ngự (xã Cù lao), Thanh Bình (xã Cù Lao), Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành, Tp. Sa Đéc): ưu tiên sử dụng các giống lúa cao sản chất lượng cao, giống chủ lực: OM 18, OM 4900, OM 6976, OM 5451, Đài Thơm 8, Jasmine 85...Giống bổ sung: OM 7347, Nàng Hoa 9, VĐ 20, RVT, OM 9582...

3.4. Về áp dụng các tiến bộ kỹ thuật

a. Đối với cây lúa

- Tiếp tục giảm lượng giống gieo sạ từ 80-100 kg/ha; tăng cường sử dụng công cụ sạ bằng máy, sử dụng máy cấy.

- Nhân rộng mô hình 3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm, mô hình giảm giá thành sản xuất lúa, khuyến khích mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn SRP, tiêu chuẩn hữu cơ.

- Công tác thông tin tuyên truyền các ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm giảm giá thành, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường³. Tiếp tục triển khai duy trì thực hiện Dự án VnSAT, dự án ICRSL (dự án WB9).

- Ứng dụng công nghệ hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ công tác dự tính, dự báo tình hình dịch hại trên cây lúa.

b. Đối với hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày

Xây dựng kế hoạch sản xuất rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày linh hoạt, xem xét điều chỉnh cơ cấu giống rau màu có thời gian bảo quản kéo dài, phù hợp thị trường, đảm bảo nhu cầu tiêu thụ rau tại địa phương, cung ứng ngoài tỉnh, chú trọng biện pháp luân canh mùa vụ, thiết kế hệ thống tưới hợp lý, quản lý dịch hại và bón phân cân đối. Trên đất chuyên đổi trồng lúa sang trồng màu cần chú trọng hệ thống tưới, tiêu nội đồng, tuyệt đối không để úng cục bộ, liên vùng.

3.5. Giải pháp cơ giới hóa

Khuyến cáo sạ cây lúa bằng máy, thu hoạch lúa bằng máy gặt đập liên hợp, các biện pháp phơi sấy, tồn trữ phù hợp với từng vùng. Đây là một trong những khâu quan trọng giúp giảm thất thoát, giảm chi phí thu hoạch và nâng cao chất lượng lúa gạo. Nâng tỷ lệ diện tích thu hoạch bằng máy đạt 100% nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lúa.

3.6. Về tổ chức liên kết sản xuất với tiêu thụ

- Liên kết sản xuất tiêu thụ, xây dựng các vùng nguyên liệu cung ứng theo yêu cầu thị trường (doanh nghiệp), phân khúc thị trường, đa dạng hoá sản phẩm (gạo đặc sản, an toàn, hữu cơ, có thương hiệu, dầu cám...) nhằm gia tăng giá trị trong chuỗi sản xuất.

³ Giống chống chịu sâu bệnh, hạn, ngập...; máy cấy, phân bón thông minh, chế phẩm sinh học...

- Cùng cố các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện thành lập mới các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hội quán nhằm liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản tại các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung lớn như: rau màu an toàn, cây ăn trái tập trung

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Thực hiện tốt công tác điều tra, ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ công tác dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh, các yếu tố ảnh hưởng cây trồng nhằm kịp thời tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong chỉ đạo điều hành, bảo vệ sản xuất.

- Phổ biến, thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về lịch thời vụ, tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng trừ, quy trình sản xuất bảo đảm chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm thời gian cách ly giữa các vụ lúa để nông dân biết thực hiện.

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và Nước sạch nông thôn, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, theo dõi tình hình sâu bệnh để chủ động đối phó kịp thời; triển khai nhân rộng mô hình quản lý dịch hại tổng hợp, bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

- Phối hợp và tăng cường công tác thanh kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng tăng giá, bán hàng không đúng chất lượng, kém phẩm chất và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

4.2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và Nước sạch nông thôn

- Chủ trì xây dựng kế hoạch nhân rộng và xây dựng mới các mô hình khuyến nông có hiệu quả trong sản xuất, canh đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ. Phối hợp với các Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc triển khai, thực hiện.

- Liên hệ với các cơ quan nghiên cứu để tiếp nhận, chuyển giao quy trình kỹ thuật tiên tiến trên lĩnh vực cây trồng vào sản xuất, thông tin về thị trường cho nông dân.

- Tiếp tục nhân rộng mô hình 3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm, mô hình giảm giá thành sản xuất lúa, khuyến khích mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn SRP.

4.3. Trung tâm Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao

- Phối hợp với đơn vị tổ chức đánh giá, tuyển chọn những giống đang sản xuất trong Tỉnh và tiếp nhận từ các Viện, Trường những giống lúa triển vọng, giống rau màu mới, giống cây ăn quả tốt, sạch bệnh có năng suất, chất lượng tốt để nhân rộng phục vụ cho sản xuất và chuyển đổi cấu cây trồng trong Tỉnh.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch phát triển ngành hàng hoa kiểng, phối hợp với các đơn vị, địa phương chuyên giao kỹ thuật, giống mới, kết hợp sản xuất với tham quan du lịch... để nâng cao giá trị và lợi nhuận cho người sản xuất.

4.4. Chi cục Thủy lợi

- Theo dõi tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn, hạn hán, mưa bão, thông tin kịp thời đến các địa phương, đơn vị để phục vụ công tác chỉ đạo, bảo vệ sản xuất;

- Phối hợp với các huyện, thành phố theo dõi, đánh giá khả năng cung cấp nước tưới, hiện trạng đê bao, khả năng bảo vệ, triển khai thực hiện các công trình tưới tiêu, phòng chống mưa bão, đảm bảo an toàn cho sản xuất.

4.5. Chi cục Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế các huyện, thành phố củng cố các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, hoạt động đi vào chiều sâu theo hướng khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, quan tâm đến các tổ hợp tác, Hợp tác xã ở những vùng chuyên canh lúa đặc sản, vùng sản xuất theo GAP. Tổ chức tập huấn triển khai hướng dẫn cho các Hợp tác xã thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm;

- Thu thập thông tin các Hợp tác xã để cập nhật vào Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.6. Thanh tra Sở

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng, cơ sở kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kịp thời xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

4.7. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Theo dõi tiến độ sản xuất, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch được giao, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

4.8. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế các huyện, thành phố

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất phát triển cây trồng vụ Hè Thu 2023 của địa phương, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bố trí cơ cấu cây trồng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng phù hợp với điều kiện tự nhiên và thị trường. Xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh gắn với xây dựng thương hiệu cho nông sản.

- Rà soát hệ thống đê bao, địa hình, trạm bơm, phối hợp với Chi cục Thủy lợi đánh giá hiện trạng mực nước tại các đê bao, khả năng đáp ứng nhu cầu nước cho sản xuất, xây dựng lịch xuống giống tập trung, né rầy cụ thể từng ô bao, cánh đồng, quản lý và bảo vệ tốt sản xuất.

- Theo dõi tình hình sâu bệnh, nhất là đối với rầy nâu bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá để có hướng quản lý; Theo dõi, đánh giá tình hình sản xuất, cung ứng giống trên địa bàn, bố trí cơ cấu giống lúa phù hợp theo từng vùng, khu vực ở địa phương.

- Phối hợp với Thanh tra Sở trong việc quản lý chặt chẽ tình hình sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn.

- củng cố, duy trì hoạt động Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ở địa phương để chỉ đạo xuống giống, theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất và kịp thời đối phó khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

4.9. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thành phố

Phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành, đoàn thể ở địa phương tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, mô hình khuyến nông, sản xuất giống lúa, củng cố và phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công./.

Nơi nhận:

- Cục Trồng trọt;
- GD và PGD Sở;
- UBND huyện, thành phố;
- P. NN&PTNT, P.KT huyện, thành phố;
- TT DVNN huyện, thành phố;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC_(Huong).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quốc Điền

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CÂY TRỒNG VỤ HÈ THU 2023
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SNN ngày /02/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Các chỉ tiêu	Toàn tỉnh (ha)	TP. Cao Lãnh	TP. Sa Đéc	TP. Hong Ngự	Tân Hong	Hồng Ngự	Tam Nông	Tháp Mười	Cao Lãnh	Thanh Bình	Lấp Vò	Lai Vung	Châu Thành
I	Lúa Hè Thu 2022	186.900	965	353	8.550	22.687	10.668	30.039	38.659	26.018	21.611	10.525	8.000	8.825
	Năng suất (tạ/ha)	64	62	59	57	59	62	62	68	68	62	64	64	63
	Sản lượng (tấn)	1.193.333	5.935	2.099	48.735	134.988	66.305	185.954	262.653	176.922	134.636	67.676	51.478	55.951
II	Hoa màu CCCNN	13.902,5	60,0	1.037,1	174,1	1.475,0	2.010,3	601,0	271,5	1.500,0	1.785,2	2.150,4	1.238,4	1.599,5
1	Bắp	1.943,6	0,0	11,3	72,0	75,0	526,0	86,0		52,0	573,0	485,5	27,8	35,0
2	Cây lấy củ có chất bột	943,8	0,0	0,0	0,0	50,0	0,0	40,0	0,0	0,0	45,0	657,0	13,8	138,0
	- Khoai lang	171,7	0,0	0,0		45,0					0,0	10,0	3,2	113,5
	- Cây có chất bột khác (ấu, khoai môn...)	772,1	0,0	0,0		5,0		40,0			45,0	647,0	10,6	24,5
3	Mía	12,0	0,0	0,0		0,0	0,0			0,0	12,0	0,0	0,0	0,0
4	Cây lấy sợi	11,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	6,0	0,0	5,0	0,0	0,0
	- Cói (lác)	11,0	0,0	0,0		0,0	0,0			6,0	0,0	5,0	0,0	
5	Cây có hạt chứa dầu	1.541,3	34,0	6,0	0,0	30,0	90,1	1,0	0,0	1.151,0	18,0	200,0	11,2	0,0
	- Đậu nành	29,0	0,0	1,0						0,0	18,0	10,0	0,0	0,0
	- Đậu phộng	40,0	0,0	0,0		30,0				0,0	0,0	10,0	0,0	
	- Mè	1.472,3	34,0	5,0			90,1	1,0		1.151,0	0,0	180,0	11,2	
6	Rau các loại	2.733,2	8,0	18,9	2,0	385,0	991,0	14,5		62,3	264,0	109,0	311,5	567,0
7	Đậu các loại	262,5	0,0	5,5		45,0		0,0	0,0		120,0	10,0	0,0	82,0
8	Ớt	1.312,9	4,0	1,6	34,5	64,0	214,4	147,5	5,0	148,0	495,2	93,0	69,7	36,0
9	Sen	543,7	0,0	1,0		84,0		57,0	144,0	49,7	17,0	97,0	0,0	94,0
10	Rau màu khác còn lại	3.324,8	14,0	30,0	65,6	742,0	188,8	255,0	122,5	31,0	239,0	454,0	554,4	628,5
11	Hoa các loại	1.273,7	0,0	962,8	0,0	0,0					2,0	39,9	250,0	19,0